

ẢNH HƯỞNG TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO TRONG MỘT SỐ TRUYỆN THƠ NÔM TÀY

NGÔ THỊ THU TRANG *

Tóm tắt: Truyện thơ Nôm Tày là một thể loại có số lượng phong phú và có vị trí đặc biệt trong đời sống của cộng đồng dân tộc Tày. Nhiều truyện thơ Nôm Tày cho chúng ta thấy sự giao thoa văn hóa Kinh - Tày khá sâu sắc. Tư tưởng đạo đức Nho giáo đã du nhập và có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa nước ta. Đặc biệt, tư tưởng đạo đức Nho giáo cũng đã thể hiện sự ảnh hưởng đến bộ phận văn học. Qua việc khảo sát, phân tích, tổng hợp, bài viết làm rõ những biểu hiện ảnh hưởng tư tưởng đạo đức Nho giáo trong một số truyện thơ Nôm Tày cụ thể. Từ đó, chúng ta có thể hiểu thêm về những quan niệm đạo đức và đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào Tày.

Từ khóa: Văn học, truyện thơ Nôm Tày, đạo đức, Nho giáo.

Abstract: The Tay people's Nom poetry is a genre with a rich number and has a special position in the life of the Tay ethnic community. Tay's Nom poetry expresses the profoundly cultural interference between Kinh and Tay people. Confucian moral thought has been introduced and had a great influence on the cultural life of our country. Especially, it has also shown its influence on literature. The article aims to clarify expressions of the influences of Confucianism's moral thought by surveying, analyzing, and synthesizing them in some Tay's Nom poems. Hence, we can understand further about the moral concepts, cultural and spiritual life of the Tay people.

Keywords: Literature, Tay's Nom poetry, morality, Confucianism.

1. Mở đầu

Việt Nam là nước chịu ảnh hưởng tư tưởng đạo đức Nho giáo một cách sâu sắc. Do sớm có sự giao lưu văn hóa Kinh - Tày nên Nho giáo đã ảnh hưởng đến cả đời sống của người dân đồng bào Tày. Qua tìm hiểu một số truyện thơ Nôm Tày, chúng ta thấy được khá rõ những biểu hiện ảnh hưởng tư tưởng đạo đức Nho giáo đã ăn sâu, hòa nhập và trở thành một phần quan niệm đạo đức của đồng bào Tày. Truyện thơ Nôm Tày - “thành tựu đỉnh cao về mọi phương diện của truyện thơ nói chung” [7, tr.31] và là “một gia tài đồ sộ vào bậc nhất trong tổng số tác phẩm truyện thơ miền núi” [7, tr.33] - cũng là nơi thể hiện những quan niệm đạo đức Nho giáo một cách sâu sắc. Có thể thấy nhiều nội dung được đặt ra trong truyện thơ Nôm Tày thuộc phạm vi đạo đức - đạo đức trong xã hội phong kiến chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng Nho giáo.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lịch sử - xã hội dẫn đến sự ảnh hưởng tư tưởng đạo đức Nho giáo trong truyện thơ Nôm Tày

Theo nhà nghiên cứu Hoàng Triều Ân, dân tộc Tày đã có rất nhiều người học hành đỗ đạt, việc học hành thi cử theo lối Nho

* TS - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: trangntt@tnue.edu.vn

học ở vùng người Tày cũng có từ rất sớm: “Các thầy đồ (dạy học) người địa phương cũng có, nhưng ở đây đã thu hút rất nhiều thầy đồ người Kinh từ dưới xuôi lên. Rồi đến lúc người Tày cũng cử học trò về học ở kinh sư của đất nước,... Hán học và Hán tự phát triển ở nước ta lúc bấy giờ, tất nhiên phải kể cả vùng cư dân người Tày cũng được học hành” [2, tr.9]. Nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Tường nhận định “Nho giáo được truyền vào Việt Nam từ khi người Hán đến nước ta trước Công nguyên. Nhưng việc truyền bá có nề nếp là từ thế kỷ I sau Công nguyên” [8, tr.341]. Cho đến thời Lê thì sự phát triển của Nho giáo đã đạt mức cực thịnh. Trong cuốn *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*, các tác giả có đề cập đến việc truyền bá Nho giáo ở vùng đồng bào dân tộc Tày như sau: “Mở đầu vương triều Lê, Lê Thái Tổ đã đặc biệt chú trọng đến việc củng cố quốc gia thống nhất bằng việc phong chức cho hàng loạt các tù trưởng địa phương (tù trưởng người Tày) để các vị ấy tự cai quản dân theo tập quán. Mặt khác, nhà Lê còn bổ sung rất nhiều công thần lên biên cương trấn trị. Triều Lê đã ảnh hưởng mạnh mẽ và toàn diện đến miền núi phía Bắc trên rất nhiều lĩnh vực [3, tr.55]. Các tác giả cuốn *Văn hóa truyền thống Tày, Nùng* đưa ra nhận định: “Có thể nói rằng từ thế kỷ XVI, khi vua nhà Mạc lên Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang thì xuất hiện thơ Nôm Tày, Nùng, vì khi ấy, vua nhà Mạc đem theo nhiều quan chức, nho sĩ, thầy đồ. Để phát triển văn hóa ở địa phương, các thầy đồ, quan chức đã noi theo kiểu cách của những truyện thơ Nôm khuyết danh của người Kinh mà sáng tác ra những tập truyện thơ Nôm Tày, Nùng dựa trên cơ sở những truyện cổ tích truyền miệng đã được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân lựa chọn viết thành truyện” [5, tr.231]. Nhà

nghiên cứu Vũ Anh Tuấn cũng khẳng định rằng “việc nhà Mạc lên đóng ở Cao Bằng đã mang lại cho mối quan hệ giao thoa Tày - Việt một sự đột biến rất quan trọng để phát triển về văn hóa - văn minh Tày, trong đó có ngôn ngữ và chữ viết. Cao Bằng cũng là nơi đặt đế đô nên việc học, sự học chữ Hán,... chắc chắn là phát triển mạnh. Vương triều Mạc ở Cao Bằng đã tạo cho địa phương một nền học vấn tốt,...” [7, tr.44]. Theo lời kể của nhiều nhà nghiên cứu người bản tộc thì các truyện thơ Nôm Tày vốn được nghệ nhân dân gian kể chuyện bằng thơ cho mọi người nghe trên sàn nhà và cứ thế lưu truyền, khi gần hoàn chỉnh, một nho sĩ nào đó ghi chép lại bằng văn tự Nôm Tày. Như vậy, khi được một nhà nho ghi chép lại bằng chữ viết, những truyện thơ Nôm Tày đó rất có thể đã mang dấu ấn quan niệm, tư tưởng của vị nho sĩ đó. Tác giả Lê Trường Phát trong công trình nghiên cứu của mình cũng đã nhận thấy có sự ảnh hưởng của các nho sĩ đến bộ phận truyện thơ Nôm Tày. Ông chỉ ra kết thúc có hậu của truyện thơ Nôm Tày chính là do “vai trò tham gia sáng tạo tác phẩm của các nho sĩ, thầy đồ người Việt miền xuôi lên; họ mang theo ảnh hưởng của truyện Nôm Việt vào truyện thơ Tày - Nùng và “kết thúc có hậu” là một cách để dân gian tán công (tất nhiên trong mơ ước) vào lễ giáo phong kiến (mà thực chất là tín điều Nho giáo) trong lĩnh vực tình yêu và hôn nhân” [4, tr.54]. Từ những cứ liệu và việc phân tích như trên cũng như việc tìm hiểu cơ sở lịch sử, xã hội dẫn đến sự ra đời bộ phận văn học này, việc những truyện thơ Nôm Tày mang ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo nói chung, tư tưởng đạo đức Nho giáo nói riêng, là hệ quả tất yếu và là việc có thể lý giải được.

2.2. Những biểu hiện ảnh hưởng tư tưởng đạo đức Nho giáo trong một số truyện thơ Nôm Tày

Đạo đức Nho giáo có nội dung chủ yếu là *Tam cương, Ngũ thường*. *Tam cương* (3 giềng mối) là quan hệ *quân - thần, phụ - tử, phu - phụ*. *Ngũ thường* là nhân - nghĩa - lễ - trí - tín. Nho giáo đề cao các mối quan hệ giữa người với người trong gia đình và trong xã hội. Trong mỗi mối quan hệ, con người phải làm đúng chức phận và địa vị của mình. Đạo đức và luân lý của Nho giáo Tiên Tần là quan hệ hai chiều. Mối quan hệ giữa vua với bề tôi thì phải theo đức trung - nghĩa. Theo quan niệm của Nho giáo, trong mỗi quan hệ vua - tôi, phải có sự ứng xử qua lại của cả hai bên, vua phải dùng lễ để đối xử với bề tôi và bề tôi phải trung với vua. Trong mỗi quan hệ cha con, Nho giáo nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều cha từ con hiếu. Trong mỗi quan hệ vợ chồng phải có sự hòa hợp. Tác giả Minh Anh cho rằng: luân lý và đạo đức của Nho giáo “bao trùm lên toàn bộ cuộc sống của con người, từ chính trị đến các vấn đề văn hóa - xã hội. Cũng giống như học thuyết chính trị, học thuyết luân lý và đạo đức của Nho giáo lấy đạo Nhân làm gốc” [1, tr.46]. Tư tưởng đạo đức Nho giáo đã chi phối suy nghĩ, hành động, việc làm, cách ứng xử,... của nhiều nhân vật nhưng điều quan trọng là nó đã được điều chỉnh cho phù hợp với quan niệm của người dân.

Các nhân vật trong truyện thơ Nôm Tày như Lưu Đài, Trần Chu, Chiêu Đức,... đều là mẫu người nam nhi lý tưởng, luôn nuôi chí học hành và họ thực sự là những nho sĩ được đào tạo chốn cửa Khổng sân Trình, mang theo chí hướng và khát vọng dùi mài kinh sử để đỗ đạt làm quan. Là một đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, bị họ hàng cướp hết

ruộng nương nhà cửa, Lưu Đài (truyện thơ *Lưu Đài - Hán Xuân*) phải lang thang ăn xin nhưng vẫn khát khao vươn lên thay đổi số phận bằng con đường tìm thầy học chữ. Bản thân chàng cũng tự nhận mình là môn đồ của Khổng Tử: “*Lưu Đài cất lời kể trình qua:/ “Tôi là người Khổng, Nhan tìm thầy,/ Nghe đồn ở chốn này mở lớp,/ Tôi nhà thầy không biết lối nào?”*” [10, tr.148]. Tìm được thầy, Lưu Đài vừa đi làm cho nhà thầy vừa chịu khó học văn chương thơ phú, kinh sách,... Như vậy, Lưu Đài cũng là một nho sinh được dạy dỗ, học hành ở chốn Khổng môn, thấm nhuần tư tưởng Nho gia. Chiêu Đức dẫu trong hoàn cảnh đói khổ phải lang thang khắp nơi ăn xin, chàng vẫn giữ lý tưởng của bậc nam nhi là phải học đạo thánh hiền. Vượt lên hoàn cảnh nghèo khổ, chàng cố gắng tìm thầy học chữ, ngày đêm dùi mài kinh sử để mong sau này đỗ đạt “*Dẫu không vào điện bệ cung vua/ Cũng làm được thầy đồ dạy trẻ*” [9, tr.178]. Họ đều là những nho sinh thông minh sáng dạ, như Chiêu Đức “*Học một chữ hiểu trăm câu luận/ Thông lâu lâu mọi đoạn phú kinh*” [9, tr.180] và đều có khát khao học hành, không chỉ để có tương lai tốt đẹp mà còn để tu dưỡng bản thân theo đạo lý thánh hiền.

Trung quân ái quốc vốn là tiêu chuẩn đạo đức của trang nam nhi thời xưa. Trung quân được coi vừa là đạo đức vừa là nghĩa vụ, trách nhiệm của người làm trai trong xã hội. Tư tưởng trung quân của Nho giáo khi vào nước ta đã được kết hợp với tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc nên nó mang nhiều yếu tố tiến bộ. Các chàng trai nghèo khổ trong truyện thơ Nôm Tày đã được học hành theo sách vở thánh hiền, sau đỗ đạt làm quan càng không thể quên việc báo đền ơn vua nợ nước. Họ sẵn sàng gác lại hạnh phúc cá nhân để làm tròn đạo vua tôi. Hai

vợ chồng Lưu Đài, Hán Xuân (truyện *Lưu Đài - Hán Xuân*) đang sống yên vui nơi quê nhà thì nhà vua lệnh cho phải đi sứ nước Tần. Chàng sẵn sàng nhận trách nhiệm “*Trạng nguyên vái điện ngọc thiên nhan/ Vương sự bắt từ nan khôn chối*” [10, tr.199]. Đường đi sứ vô cùng nguy hiểm “*Đường bộ ngất làn mây móc tỏa/ Người ta biết mấy bận mất thân/ Hổ báo bắt người ăn, nguy khôn!// Đường thủy thì rắn nước nuốt thuyền/ Thiên hạ người kinh hồn run sợ*” [10, tr.199]. Thế nhưng hơn ai hết, Lưu Đài hiểu rõ mình phải mang lòng trung để báo đáp ơn vua, dầu có khó khăn nguy nan đến đâu thì việc vua cũng không thể từ chối. Việc đi tiến cống Tần vương mà vua giao được Lưu Đài coi như “*đi việc thiên hạ quốc gia*”, “*việc trọng quốc gia*” mà trang nam nhi phải đảm đương. Trải qua bao gian nan thử thách, suýt mất cả mạng sống mà khi trở về vua còn quở trách và buộc hai vợ chồng về lại quê quán với cuộc sống bình thường. Dầu bị đối xử bất công nhưng đến khi có giặc, Lưu Đài không hận chuyện cũ mà vẫn cùng vợ ra trận đánh giặc cứu vua cứu nước. Trần Chu (*Truyện Nàng Quyển*) nghèo khổ, mồ côi sau đỗ Trạng nguyên. Vua cho Trần Chu và nàng Quyển kết duyên vợ chồng. Do bị tên Lý Tường độc ác bày mưu hãm hại, Trần Chu bị vua bắt chịu tội chém đầu. Nhà vua u tối nghe bọn gian thần hãm hại người ngay, lẽ ra đáng bị căm hận. Nhưng sau này, khi đất nước bị giặc xâm lăng, Trần Chu vẫn từ giả mừng trời trở về đương gian cứu nước. Khi nhà vua cần người dẹp giặc cứu nước, Chiêu Đức (truyện *Chiêu Đức*) sẵn sàng gác lại hạnh phúc cá nhân của mình để ra trận giúp vua. Chiêu Đức luôn ý thức về trách nhiệm của một bề tôi “*Thân bản bạc nhờ ơn hoàng đế/ Tài của tôi khôn thể đảm đương/*

Nhưng vương sự từ nan lỗi đạo” [9, tr.316]. Nhận thức rất rõ việc vua giao mà từ chối là không làm trọn đạo của kẻ bề tôi nên dù có nguy hiểm đến đâu chàng vẫn sẵn lòng đảm đương. Lòng trung với vua gắn với lòng yêu nước thương dân. Chàng thương dân nghèo phải chạy loạn vào rừng, bỏ ruộng đất, sống trong rừng không màn chắn quần áo đồ dùng, chịu đói rét ở trong rừng, lâu không có cơm gạo để ăn nên càng căm thù bọn giặc đến cướp ruộng cướp bản. Khi hoàn thành trách nhiệm đối với vua với nước, muôn dân được yên ấm thanh bình chàng mới nghĩ đến hạnh phúc riêng tư của bản thân. Trương Hán (truyện *Trương Hán - Mẫu Đơn*) luôn sẵn sàng đi “cứu nạn quốc gia” khi đất nước có giặc dầu phải gác lại cuộc sống êm ấm của vợ chồng, khi hoàn thành xong việc vua việc nước lại hồn nhiên vui vẻ “xin về quê bản quán”. Chàng Lý Lan (truyện *Lý Lan - Thị Dung*) cũng là người sẵn sàng vâng mệnh vua cầm quân đi đánh giặc bất chấp mọi hiểm nguy. Những chàng trai như Lưu Đài, Trần Chu, Chiêu Đức, Trương Hán, Lý Lan,... không chỉ được nhân dân quý trọng bởi phẩm chất tốt đẹp mà còn bởi tấm lòng trung và tinh thần xả thân vì việc nước.

Trong các mối quan hệ thời xưa, người thầy rất được coi trọng. Theo thứ bậc Quân - Sư - Phụ, người thầy còn được xếp ở vị trí cao hơn cả cha. Thầy không chỉ dạy chữ mà còn dạy đạo làm người nên học trò phải ơn thầy và trọng thầy suốt đời. Biết quý trọng người thầy dạy mình mới là người hiểu và biết đạo lý. Biết trọng thầy mới là người có nghĩa. Cha mẹ Hán Xuân thấy Lưu Đài (truyện *Lưu Đài - Hán Xuân*) tuy nghèo khổ nhưng có chí nên muốn mời chàng về nhà mình ở nhưng Lưu Đài không bỏ nhà thầy mà đi bởi chàng mang nặng ơn nghĩa

“Ơn người nuôi bao lâu mới lớn,/ Sự này không một lúc bỏ đi/ Mong cho được ăn ngon lại phụ,/ Tội trời ngày sinh tử ai thương” [10, tr.182]. Là người thẩm nhuần đạo lý thánh hiền, chàng luôn tự răn mình *“Làm người chớ sai ngoa vô đạo”* [10, tr.182]. Khi thi đỗ Trạng nguyên, Lưu Đài trở về lạy tạ người thầy có công nuôi dạy mình *“Trạng nguyên lạy cha mẹ Tổ sư:/ “Nuôi con đã bao thu sống sót/ Nay được ơn bệ ngọc triều đình/ Dâng bạc vàng đền công sư phụ”* [10, tr.187]. Khi được hưởng vinh hoa phú quý, Chiêu Đức (truyện *Chiêu Đức*) vẫn không quên ơn nghĩa của thầy Không môn. Chàng đến nhà thầy *“Bạc vàng quan bày để trên giường/ Trả ơn nghĩa văn chương ngày trước”* [9, tr.346]. Với Chiêu Đức thì *“Đạo thầy coi như bậc mẹ cha”* [9, tr.346] nên chàng muốn đón thầy lên kinh đô làm Thái sư để có thể *“Hôm sớm được lời nghiêm dạy bảo”* [9, tr.346]. Lưu Đài, Chiêu Đức,... là những tấm gương điển hình cho mẫu hình chàng trai lý tưởng trung nghĩa của Nho giáo.

Các tác giả dân gian đã gửi gắm những quan điểm đạo lý, những điều giáo huấn vào các nhân vật. Chữ hiếu vốn là một tiêu chuẩn đạo đức rất được coi trọng của Nho giáo và truyện thơ Nôm Tày cũng đề cao lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. Hành động của một số nhân vật đã thể hiện quan điểm này. Mẫu Đan (truyện *Nho Hương*) là công chúa, Nho Hương chỉ là chàng trai mồ côi nghèo khổ. Vua đuổi Mẫu Đan và Nho Hương ra khỏi cung, lang thang xin ăn khắp nơi. Sau này, hai vợ chồng lập nên một quốc gia khác giàu có hạnh phúc. Nhưng Mẫu Đan vẫn không nguôi nhớ mẹ, hai vợ chồng lại vượt qua bao khó khăn để trở về thăm hoàng hậu. Khi hoàng hậu chết, Mẫu Đan xin về kinh đô viếng mẹ, xin vua cha mang thi hài mẹ

ra bờ sông để tế lễ. Hai vợ chồng Nho Hương, Mẫu Đan tổ chức tế lễ trong ba tháng rồi cầu phúc, phát chẩn, đại xá cho dân xong mới trở về. Mặc dù bị nhà vua coi thường, không thừa nhận và xua đuổi nhưng khi vua cha gặp nạn ngoại xâm, Nho Hương vẫn quay trở về giúp. Khi chiến thắng, Nho Hương vẫn kéo quân về thăm vua cha (bố của Mẫu Đan) mà không hề oán giận chuyện nhà vua đã đối xử không tốt với vợ chồng chàng. Sớm mồ côi cha mẹ từ nhỏ, Chiêu Đức (truyện *Chiêu Đức*) phải bán hết ruộng vườn tài sản để báo hiếu cha mẹ: *“Bán ruộng vườn táng phúc mẹ cha:/ “Đền công đức nuôi ta nhiều hạ”/ Thánh nhân bày ra lệ mại thân/ Cay đắng bán ao chuôm táng phụ”* [9, tr.176]. Chữ hiếu là yêu cầu đạo đức thuộc phạm vi quan hệ gia đình, là một tiêu chuẩn đạo đức rất được đề cao. Các nhân vật đã thể hiện được đầy đủ phẩm chất này, điều đó góp phần giúp họ có được lòng yêu mến trọn vẹn của quần chúng nhân dân.

Khái niệm tiết, nghĩa của Nho giáo được thể hiện trong truyện thơ Nôm Tày qua mối quan hệ vợ chồng, chính là tình nghĩa vợ chồng son sắt thủy chung. Tác giả Nguyễn Kim Sơn đã khẳng định: *“Trong quan hệ phu - thê, chồng chính lễ nghi, vợ kính thuận. Tinh thần chung nhất của luân lý gia đình vẫn là hướng tới sự hòa thuận”* [6, tr.53]. Trong gia đình, người chồng làm tốt bổn phận của mình, chăm lo, bảo vệ vợ con, tôn trọng yêu thương vợ thì người vợ sẽ đối đáp lại bằng sự tôn kính, quý trọng và quan tâm, chăm lo cho chồng con. Phải có mối quan hệ hai chiều thì mới có sự êm ấm hạnh phúc của gia đình. Những cặp vợ chồng như Lưu Đài - Hán Xuân (truyện *Lưu Đài - Hán Xuân*), Trần Chu - Quyển Nương (truyện *Nàng Quyển*), Nho Hương - Mẫu Đan (truyện *Nho Hương*), Chiêu Đức -

Kim Nữ (truyện *Chiêu Đức*),... đều là những biểu tượng cao đẹp của tình nghĩa vợ chồng. Khi chồng phải đi sứ tiến cống Tần vương, Hán Xuân lo lắng cho chồng “*Bạn đường không có tướng hùng anh/ Có việc gì ai thay cho Trạng*” [10, tr.200] và đòi được đi cùng chồng vì “*Vợ chồng đạo tao khang yêu dẫu*”, “*Vợ chồng đạo tao khang khôn bỏ*” [10, tr.201]. Lưu Đài và Hán Xuân (truyện *Lưu Đài - Hán Xuân*) đã cùng nhau làm nên một mối tình đẹp, son sắt, thủy chung. Lưu Đài luôn dặn dò vợ mình “*Đạo tam tông chồng vợ kỷ cương/ Họ hàng cùng hương lân bản quán*” [10, tr.197]. Kể cả trong những hoàn cảnh khổ sở nhất, tình nghĩa vợ chồng vẫn sâu đậm và bền chắc. Hán Xuân lưu lạc vào đất quý Ngô Cương và bị ép làm vợ hán nhưng nàng một lòng một dạ với Lưu Đài, dẫu cho bị roi vọt đánh đập đến suýt chết “*lịm thân mình không biết/ Vật vã khi nằm thiếp mới thôi*” [10, tr.222]. Đói khổ, cơ cực, một mình ôm con, đói đến nỗi phải lấy lá cây rừng ăn thay cơm mà nàng vẫn không nguôi thương nhớ chồng “*Nhớ chồng nước mắt rơi chan chứa*”, “*Thương chồng những nôn nao thâm khốc*”, “*Nhìn con lại nhớ chồng lệ trút*” [10, tr.224],... Dường như nỗi lo lắng, nhớ thương chồng khiến nàng không hề nghĩ đến tình cảnh khốn khổ của bản thân mà chỉ lo cho chồng. Hai người họ đã cùng nhau vượt qua bao gian truân, bao cám dỗ (Lưu Đài bị công chúa con Long vương bắt về thủy cung ép cưới làm chồng, Hán Xuân bị quý Ngô Cương ép cưới làm vợ,...) để chiến đấu và chiến thắng các thế lực bạo tàn, để giữ gìn tấm lòng chung thủy và cuối cùng có một cuộc sống viên mãn tốt đẹp bên nhau. Trần Chu và nàng Quyển (truyện *Nàng Quyển*) cũng đã phải chịu bao gian khổ, oan khuất, bất hạnh (Trần Chu bị kẻ gian vu oan hãm hại suýt mất mạng, nàng

Quyển bị cha ép duyên đến nỗi hai lần phải tự vẫn) nhưng họ vẫn kiên định và dũng cảm chiến đấu bảo vệ tình vợ chồng, bảo vệ gia đình và cuối cùng họ đã được đền đáp xứng đáng. Nàng Quyển bị ép lấy Lý Tướng nhưng năm lần bảy lượt nàng đều tìm đến cái chết để giữ tròn trinh tiết với chồng. Nàng Kim Nữ (truyện *Chiêu Đức*) đã không coi thường Chiêu Đức khi chàng lâm vào cảnh mồ côi nghèo khổ mà vì hai bên gia đình đã hứa gả con cho nhau nên nàng trước sau giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với chàng. Khi nhờ bà nữ mẫu mang áo cho Chiêu Đức, Kim Nữ đã nhắn gửi tấm lòng của nàng “*Nhấn mẫu đoạn nhắn tin gửi sĩ:/ Vợ chồng là đạo nghĩa chính mình/ Chàng hãy nhớ lời tin của thiếp*” [9, tr.192]. Khi Chiêu Đức được nhà vua ngỏ ý gả công chúa cho, chàng đã nói rõ quan niệm của mình về đạo vợ chồng “*Vợ chồng đạo tao khang chính sự/ Tôi bạn nàng Kim Nữ đã lâu*” [9, tr.336]. Kim Nữ cũng là một tấm gương tiêu biểu của người phụ nữ tiết hạnh, luôn giữ trọn tấm lòng son với người mình đã được hứa gả. Ở đây rõ ràng là mối quan hệ hai chiều, cả vợ và chồng đều yêu thương, trân trọng và quyết tâm cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Các nhân vật đều là những người chung tình, thể hiện rõ mẫu hình lý tưởng của các Nhà nho. Tình nghĩa vợ chồng trong các truyện thơ Nôm này chủ yếu hướng đến việc ca ngợi nghĩa vợ chồng, đề cao đạo lý gia đình và mang nội dung giáo huấn theo đúng tư tưởng Nho giáo.

3. Kết luận

Tư tưởng luân lý đạo đức Nho giáo đã ảnh hưởng đến nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Qua một số truyện thơ Nôm

Tày, chúng ta cũng có thể thấy được ảnh hưởng của những tư tưởng này trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân tộc Tày từ xa xưa. Các mối quan hệ chủ yếu giữa người với người như: vua - tôi, thầy - trò, cha - con, chồng - vợ, anh - em, bạn bè được xây dựng từ nền tảng luân lý đạo đức “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín” của Nho giáo. Người đọc có thể thấy được trong truyện thơ Nôm Tày những con người trung nghĩa, yêu nước thương dân; những mối quan hệ tốt đẹp giữa thầy và trò; những tấm gương hiếu thảo; những người vợ thủy chung, tiết hạnh;... Các truyện thơ Nôm Tày cũng truyền tải những bài học nhằm mục đích giáo huấn con người sống theo quan niệm đạo đức Nho giáo. Những quan niệm đạo đức như trung, hiếu, tiết, nghĩa,... của Nho giáo đã được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với quan điểm của nhân dân, từ đó đi sâu vào đời sống văn hóa tinh thần, trở thành những tiêu chuẩn đạo đức của người dân và góp phần tạo nên giá trị cho các truyện thơ Nôm Tày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Minh Anh, “Về học thuyết luân lý và đạo đức của Nho giáo”, Tạp chí *Triết học*, số 8(159), 2009.
- [2] Triều Ân, *Văn học Hán Nôm dân tộc Tày*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2008.
- [3] Nhiều tác giả, *Các dân tộc Tày - Nùng ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học xuất bản, Hà Nội, 1992.
- [4] Lê Trường Phát, *Đặc điểm thi pháp truyện thơ các dân tộc thiểu số*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1997.
- [5] Hoàng Quyết, Ma Khánh Bằng, Hoàng Huy Phách, Cung Văn Lược, Vương Toàn, *Văn hóa truyền thống Tày, Nùng*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2018.
- [6] Nguyễn Kim Sơn, “Tư tưởng luân lý mới của các nhà nho Duy tân trong *Tân đính luân lý giáo khoa thư*”, Tạp chí *Triết học*, số 4(215), 2009.
- [7] Vũ Anh Tuấn, *Truyện thơ Tày - Nguồn gốc, quá trình phát triển và thi pháp thể loại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.
- [8] Nguyễn Minh Tường, *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.
- [9] Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Tổng tập truyện thơ Nôm các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
- [10] Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Tổng tập truyện thơ Nôm các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.